SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: 192 /BVM – D&XN
V/v Báo giá thiết bị y tế, hoá chất, sinh phẩm y tế

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 09 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ nhu cầu mua sắm thiết bị y tế, hoá chất và sinh phẩm y tế năm 2025 cho bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

Bệnh viện Mắt Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá thiết bị y tế, hoá chất và sinh phẩm y tế để tham khảo, xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị y tế, hoá chất và sinh phẩm y tế năm 2025 cho bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt Thái Nguyên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Thị Hạnh - Văn thư bệnh viện

Điện thoại: 02083.658.300

Email: benhvienmat.thainguyen@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Nhận qua email: benhvienmat.thainguyen@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 25 tháng 09 năm 2024 đến trước 17h ngày 07 tháng 10 năm 2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 07 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Nội dung báo giá *(Phụ lục kèm theo)*

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2024.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý đơn vị.

Công văn này thay thế cho công văn số: 187 BVM – D&XN ngày 20 tháng 09 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, D&XN.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN MẮT

Hoàng Thị Kim Yến

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số: 192 /BVM – D&XN ngày 25 tháng 09 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Thái Nguyên)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật Dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch sử dụng 12 tháng	Ghi chú
I. Thiết bị y tế, vật tư y tế, sinh phẩm y tế					
1	Chất nhày phẫu thuật mắt	Hydroxypropyl methyl cellulose: ≥ 2.0% Độ nhày ≥ 4000 mPas. Độ thẩm thấu 270 - 400 mOsm/kg Trọng lượng phân tử: ≥ 0.07 mio. Daltons PH: 6.8-7.5 Thể tích ≥ 2.0 ml.	Cái	2700	
2	Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật	trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm. Dung tích ≥1 ml	Lọ	200	
3	Dao bẻ góc 15 độ (Dùng trong phẫu thuật Phaco)	Lưỡi thép không gỉ. Tạo độ mở rộng 15 độ, Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	cái	3500	
4	Dao mổ mắt 2.8(Dùng trong phẫu thuật Phaco)	Lưỡi thép không gỉ, kích cỡ lưỡi dao 2.8 mm, Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Chiếc	3500	

5	Dao mổ tạo vạt mổ ngoài bao (Dùng trong nhãn khoa)	Lưỡi thép không gỉ, kích cỡ lưỡi dao 2.5 mm,Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Chiếc	1000	
6	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic 3. Có tính năng lọc tia cực tím (UV). 4. Đặc điểm càng: 2 càng hoặc 4 càng 5. Đường kính optic nằm trong khoảng: 5.5 mm -6 mm. Chiều dài tổng thể nằm trong khoảng: 10.5 mm-13 mm. 6. Dải công suất: Từ -5D đến +30D 7. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,2 mm. 8. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector,	Cái	1100	
7	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học Acrylic kỵ nước + chromophore 3. Lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh 4. Đặc điểm càng: Càng chữ L cải tiến, góc càng 0 độ 5. Đường kính optic 6.00 mm, chiều dài: 13.0 mm. 6. Dải công suất: đáp ứng từ +10,0 D đến +30,0 D. 7. Đưa qua vết mổ kích thước: ≥ 2,2 mm. 8. Thủy tinh thể đặt sẵn trong súng 9. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Cái	500	

8	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu Acrylic Hydrophobic không ngậm nước 3. Có tính năng lọc tia cực tím (UV) và lọc ánh sáng xanh. 4. Đặc điểm càng: 2 càng kép chữ C 5. Đường kính quang học (Optic): 5.8mm - 6.15mm, tổng chiều dài kính 11.5mm -11.78mm 6. Dải công suất: Từ 0D đến +35D 7. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,2 mm. 8. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector 9. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Cái	500	
9	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu Acrylic hydrophilic ngậm nước 3. Có tính năng lọc tia cực tím (UV). 4. Đặc điểm càng: Kiểu càng dạng đĩa , Góc càng 0° 5. Đường kính quang học optic 7.0mm, chiều dài kính 11mm. 6. Dải công suất: đáp ứng từ +10,0 D đến +30,0 D. 7. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,2 mm. 8. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector. 9. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Cái	500	

10	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu. Thiết kế với công nghệ rìa vuông hai lần. 2. Chất liệu Copolymer 3. Lọc tia cực tím (UV) 4. Đặc điểm càng: 4 càng , Góc càng 5 độ 5. Đường kính quang học Optic 6mm, tổng chiều dài 10.75mm. 6. Dải công suất: đáp ứng từ -10,0 D đến +30,0 D. 7. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,2 mm. 8. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector 9. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Cái	500	
11	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu điểm, 1 mảnh. 2. Chất liệu Acrylic không ngậm nước 3. Có tính năng lọc tia cực tím (UV). 4. Đặc điểm càng: càng chữ C 5. Đường kính thấu kính 6mm, chiều dài tổng 13mm 6. Dải công suất: +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D 7. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,2 mm. 8. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) 9. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Cái	200	

12	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học Acrylic ưa nước 3. Có tính năng lọc tia cực tím (UV) . 4. Đặc điểm càng: 2 càng kín không gập góc 5. Đường kính phần quang học 6.0mm, Chiều dài thủy tinh thể 10.8mm hoặc 12.4 mm 6. Dải công suất : từ +5.0D tới +30.0D (bước chuyển +0.5D) 7. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,2 mm.. 8. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) 9. Thiết kế phần quang học: Đa vùng (khúc xạ, phi cầu) - Khả năng hỗ trợ nhìn gần (Độ Add/ độ sâu trường ảnh): +3.0D 9. Có xuất xứ từ nhóm các nước Châu Âu	Cái	100	
13	Chỉ treo	Kim thẳng	Sợi	30	
14	Chỉ khâu phẫu thuật mắt	Số 10	Sợi	700	
15	Sleever	19G, cho kích thước vết mổ 2.8mm	Chiếc	140	
16	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Kích thước: 10cm x 4cm	Chiếc	60	
17	Băng dính chỉ thị nhiệt độ		Cuộn	24	
18	Băng dính lụa 5cm x 5m	Chiều rộng: 5cm, Chiều dài: 5m	Cuộn	250	

19	Bơm tiêm nhựa 10ml	10ml	Chiếc	1000	
20	Bơm tiêm nhựa 1ml	1 ml	Chiếc	6000	
21	Bơm tiêm nhựa 5ml	5 ml	Chiếc	19000	
22	Bóng đèn 15v 150W	15v - 150W	Cái	10	
23	Bóng hồng ngoại	220V	Cái	20	
24	Bông hút	100% cotton	kg	80	
25	Bóng Sinh hiển vi khám		Chiếc	10	
26	Chỉ Nylon không tiêu 5.0		Sợi	60	
27	Chỉ Nylon không tiêu 6.0		Sợi	60	
28	Chỉ Nylon không tiêu 7.0		Sợi	60	
29	Chỉ Prolen 5.0		Sợi	60	
30	Chỉ Vicryl 5.0	2 Kim	Sợi	120	
31	Chỉ Vicryl 6.0	2 Kim	Sợi	120	
32	Chổi rửa ống nghiệm		Chiếc	50	

33	Cồn 90 độ	Chai ≥ 500 ml	Chai	1500	
34	Cồn 90 độ	Can ≥10 L	Can	50	
35	Đầu côn vàng	Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml)	Cái	1000	
36	Đầu côn xanh	Thể tích tối đa 1000ul (tương đương 1ml)	Cái	1000	
37	Dầu soi kính hiển vi	Chai 500 ml	lọ	1	
38	Dây Garo lấy máu có khóa		Chiếc	10	
39	Dây truyền Dịch		Bộ	1000	
40	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh		Chai	50	
41	Gạc hút	Khổ ≥80cm. Gạc 100% cotton	mét	6000	
42	Găng tay khám	Chiều dài: 240 mm min. Các kích cỡ	đôi	20000	
43	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Chiều dài: 280+/-5 min. Các kích cỡ	đôi	15000	
44	Gel siêu âm	Can ≥ 5L	can	1	
45	Huyết áp điện tử		Cái	4	
46	Khẩu trang y tế 4 lớp		Cái	15000	

47	Kim lấy thuốc	Các số	Cái	2000	
48	Kim luồn	Các kích cỡ	Cái	70	
49	Kim Phaco	19G, 30 độ.	Cái	12	
50	Lưỡi dao mổ các số		Cái	200	
51	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate ≥ 4,0 % (w/w).Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chất làm đặc, hương liệu . Can ≥ 5 lít	Can	12	
52	Mũ phẫu thuật		Chiếc	8200	
53	Nhiệt kế điện tử		Cái	5	
54	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần	Lit	400	
55	Viên nén khử khuẩn	Chứa 2.5 gram Natri Dichloroisocyanurate	Viên	1000	
56	Sonde Foley 2 nhánh		Chiếc	10	
57	Sonde Nelaton		Chiếc	10	
58	Tinh dầu sả		Lít	100	
59	Giá đựng ống nghiệm nước tiểu	Các kích cỡ	Chiếc	5	

60	La men		Chiếc	500	
61	Lam kính		Chiếc	500	
62	Ống nghiệm EDTA		Cái	4000	
63	Ống nghiệm HEPARIN		Cái	4000	
64	Ống nhựa đựng nước tiểu có nắp		Cái	4000	
65	Test HBsAg		test	4000	
66	Test HIV		test	4000	
67	Test nước tiểu 10 thông số		test	4000	
68	Thuốc nhuộm Giemsa		lọ	1	
69	Giấy in Nhiệt	Kích thước 58 mm x 30 m	Cuộn	120	
70	Khí Oxy y tế Bình 10 Lít		Bình	5	
71	Khí Oxy y tế Bình 40 Lit		Bình	2	
72	Bình OxyBình 10 Lít		Bình	5	
73	Bình OxyBình 40 Lit		Bình	2	

74	Dây silicon treo mi		Cái	10	
75	Kim chích máu		Cái	4000	
76	Huyết áp cơ		Bộ	5	
77	Thuốc nhuộm Xanhmethylen		Gam	500	
78	Hộp an toàn		Hộp	300	
79	Hộp chống sốc		Hộp	10	
80	Hoá chất rửa dụng cụ	Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase :0,05% (w/w). Can ≥ 5L	Chai	5	
II. Hoá chất sử dụng Máy sinh hoá Erbra XL 200					
81	Hóa chất kiểm tra chất lượng máy sinh hóa	Lọ ≥ 5ml.	Lọ	12	
82	Hóa chất kiểm chuẩn máy sinh hóa	Lọ ≥ 3ml.	Lọ	8	
83	Hóa chất rửa máy sinh hóa	Can ≥ 2500 ml	Can	6	
84	Hóa chất xét nghiệm đường huyết	Thành phần: R1 (Glucose Oxidase > 15 U/ml; Peroxidase; 4-aminoantipyrine; Phenol; MOPS Buffer; Phosphate Buffer) + Standard. Hộp 8x60ml.	Hộp	8	

85	Hóa chất xét nghiệm chức năng thận	Urea Liquid Stable 4 x 60ml + 2 x 24ml.	Hộp	8	
III.Hoá chất sử dụng Huyết học Celltac ES Mek 7300K					
86	Dung dịch rửa máy huyết học	Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit. Can ≥ 5l.	Can	10	
87	Hóa chất phá màng tế bào hồng cầu	Phá màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu. Can ≥ 500 ml.	Can	8	
88	Mẫu nội kiểm huyết học		Tube	20	
89	Mẫu chuẩn huyết học		Tube	12	
IV.Hoá chất sử dụng máy Huyết học Celltac Mek 6420 K và CelltacES Mek 7300K					
90	Hóa chất rửa máy huyết học đậm đặc	Can ≥ 5l.	Can	10	
91	Hóa chất pha loãng	Hóa chất pha loãng máu cho đếm tế bào, Can ≥ 20 lít.	Can	18	
92	Hóa chất phá vỡ hồng cầu	Can ≥ 1L.	Can	8	
V.Các mặt hàng khác					
93	Bóng đèn Halogen 6V -20W		Cái	10	
94	Bóng đèn Halogen 12V -30W		Cái	10	

95	Bóng đèn Hallogen15V-150W		Cái	5	
96	Bóng đèn tiểu phẫu		Cái	100	
97	Chỉ Dafilon 3/0		Sợi	36	
98	Dao tem		Chiếc	800	
99	Dung dịch vệ sinh kính hiển vi		Lọ	1	
100	Giấy tẩm Fluorescein		Lọ	50	
101	Gọng thử kính		Cái	10	
102	Nồi hấp áo		Cái	10	
103	Ống dây Tubing		Cái	1	
104	Que Bông tăm vô khuẩn		Túi	660	
105	Cảm ứng áp xuất		Cái	1	
106	Hộp Inox		Chiếc	10	
107	Tay Phaco		Chiếc	2	
108	Đầu hút IA		Chiếc	2	